TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 09 - 5 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Trường.

2. Bà Đỗ Thị Lê.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 17, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

2.2. Bà Lê Thị Khánh L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: B5/16A, ấp M, xã K, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Tổ 17, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Do có quan hệ làm ăn với nhau nên bà N đã cho vợ chồng ông H, bà L vay tiền nhiều lần nhưng ông H, bà L không có trả. Ngày 10/5/2017, bà N đến nhà ông H, bà L để cùng tính toán lại số nợ thì ông H, bà L còn thiếu của bà N là 1.350.000.000 đồng. Bà L viết giấy vay tiền có chữ ký của bà L và ông H để làm tin. Trong giấy vay tiền ngày 10/5/2017, bà L không đề cập đến lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận ngoài thời hạn trả nợ là 04 tháng kể từ ngày viết, tiền lãi trả hàng tháng theo mức lãi suất 2%/01 tháng, tiền gốc trả khi đến hạn.

Tuy nhiên, sau khi viết giấy vay tiền thì ông H, bà L không trả tiền lãi hàng tháng, khi đến hạn cũng không trả tiền gốc. Bà N nhiều lần gọi điện thoại rồi trực tiếp xuống nhà yêu cầu ông H, bà L trả nợ nhưng không có kết quả.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông H, bà L trả nợ gốc 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) và tiền lãi tính từ ngày viết giấy vay tiền đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất 10%/01 năm.

Chứng cứ do bà N xuất trình: Giấy vay tiền ngày 10/5/2017 (bản chính), CMND và sổ hộ khẩu bà Nguyễn Thị Kim N (bản sao chứng thực)

Ý kiến của bị đơn bà Lê Thị Khánh L:

Tại bản tự khai ngày 19/3/2019, bà L khai bà và ông H có vay tiền của bà N nhiều lần, mỗi lần vay một ít, cụ thể bao nhiêu thì bà L không nhớ. Ngày 10/5/2017, hai bên tổng hợp lại số tiền bà L và ông H còn thiếu bà N là 1.350.000.000 đồng. Bà N yêu cầu ông H, bà L viết giấy vay tiền để làm tin. Giấy vay tiền ngày 10/5/2017 là do bà L viết, chữ ký trong giấy vay tiền là của bà L và ông H. Trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận ngoài là bà L và ông H sẽ trả dần hàng tháng.

Từ khi viết giấy vay nợ, bà L và ông H đã trả cho bà N 20.000.000 đồng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Sau đó thì bà N yêu cầu bà L và ông H mỗi tháng phải trả từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do số tiền bà N yêu cầu quá nhiều nên bà L và ông H không có khả năng trả. Từ đó, bà N không xuống lấy tiền nữa và bà L, ông H cũng không trả thêm tiền cho bà N nữa.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà L đồng ý cùng ông H trả nợ gốc 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu). Về tiền lãi thì bà L xin được miễn vì hiện nay bà L đang rất khó khăn.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Văn H:

Tại bản tự khai ngày 09/4/2019, ông H khai vợ chồng ông có vay tiền của bà N nhiều lần nhưng không có trả. Sau đó hai bên cộng lại thì số tiền vợ chồng ông H còn thiếu bà N là 1.350.000.000 đồng. Qua yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông H đồng ý trả nợ gốc 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu). Về tiền lãi thì ông H xin được miễn vì gia đình ông H đang rất khó khăn.

Ông H làm nghề tài xế, thường xuyên phải đi xa. Vì vậy, ông H xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi ý kiến của bà L cũng là ý kiến của ông H.

Chứng cứ do ông H, bà L xuất trình: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Buộc ông H và bà L trả cho bà N nợ gốc 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/01 năm, tính từ ngày viết giấy vay tiền đến ngày Tòa án xét xử.

Về án phí: Ông H và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Trần Văn H và bà Lê Thị Khánh L là quan hệ dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà L không có yêu cầu phản tố, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 bà L vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Tòa án căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H và bà L.

[2]. Về áp dụng pháp luật:

Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2017, quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà N, đối chiếu với lời khai của ông H, bà L và giấy vay tiền lập ngày 10/5/2017 đã xác định: Do có quan hệ làm ăn với nhau từ trước nên bà N đã cho ông H, bà L vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay một ít nhưng ông H, bà L không có trả. Ngày 10/5/2017, tại nhà ông H và bà L, hai bên cộng lại thì số tiền ông H và bà L còn thiếu bà N là 1.350.000.000 đồng. Bà L và ông H viết giấy vay tiền để làm tin với bà N nhưng sau đó cũng không trả được nợ. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông H, bà L trả nợ gốc 1.350.000.000 đồng cùng tiền lãi từ ngày viết giấy vay tiền đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/01 năm. Ông H, bà L đồng ý thanh toán nợ gốc theo yêu cầu của bà N nhưng xin được miễn tiền lãi.

Trong giấy vay tiền ngày 10/5/2017, hai bên không thể hiện lãi suất vay và thời hạn trả nợ. Bà N khai hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất vay 2%/01 tháng, tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc trả khi đến hạn nhưng từ khi vay đến nay thì ông H, bà L không trả nợ gốc cũng như tiền lãi. Ông H, bà L khai hai bên

thỏa thuận tiền vay trả dần hàng tháng và từ khi viết giấy vay tiền đến nay thì ông H, bà L đã trả được 20.000.000 đồng. Như vậy, giữa lời khai của bà N và lời khai của ông H, bà L là có mâu thuẫn.

Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H, bà L chỉ đến Tòa án làm việc một lần và không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa hôm nay, ông H xin vắng mặt còn bà L thì vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thực hiện được việc đối chất để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai giữa các bên về thời hạn vay, lãi suất và số tiền đã trả nợ. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa bà N và ông H, bà L được xác định là có thời hạn và có lãi như trình bày của bà N. Riêng ông H và bà L phải chịu hậu quả về sự vắng mặt của mình.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có việc bà N cho ông H, bà L vay 1.350.000.000 đồng và ông H, bà L chưa trả nợ gốc cũng như tiền lãi cho bà N là sự thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định của Pháp luật tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Buộc ông H, bà L trả cho bà N nợ gốc 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) và tiền lãi từ ngày viết giấy vay tiền 10/5/2017 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/01 năm.

Từ ngày 10/5/2017 đến ngày xét xử 09/5/2019 là: 719 ngày.

Tiền lãi 01 ngày là: 1.350.000.000 đồng x 10%: 360 = 375.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 10/5/2017 đến ngày 09/5/2019 là: 375.000 đồng/01 ngày x 719 ngày = 269.625.000 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn).

Tổng số tiền ông H, bà L phải trả cho bà N là 1.619.625.000 đồng (một tỷ sáu trăm mười chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn)

[4]. Về án phí:

Ông H, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà N là 1.619.625.000 đồng: 36.000.000 đồng + 3% x 819.625.000 đồng = 60.588.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm tám mươi tám ngàn).

Trả lại cho bà N 27.270.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Trần Văn H và bà Lê Thị Khánh L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1. Buộc ông Trần Văn H và bà Lê Thị Khánh L trả cho bà Nguyễn Thị Kim N nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 1.619.625.000 đồng (một tỷ sáu trăm mười chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn); trong đó nợ gốc 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu), tiền lãi 269.625.000 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H và bà Lê Thị Khánh L phải chịu 60.588.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm tám mươi tám ngàn).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.270.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi ngàn) theo biên lai thu số 0006780 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Ly